

Số: 12 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 02 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan
hành chính nhà nước trong lĩnh vực Đường bộ, Đường thủy nội địa
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính
nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 3973/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành
chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn
2022 - 2025;*

*Thực hiện Công văn số 5990/VPCP-KSTT ngày 22 tháng 8 năm 2024 của
Văn phòng Chính phủ về việc công bố, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính
nội bộ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số
156/TTr-SGTVT ngày 27 tháng 12 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 17 thủ tục hành chính nội bộ
của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Đường bộ, Đường thủy nội
địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao
thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ
tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân

các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Giao thông vận tải;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- TT TH-CB, P.HC-TC, TTPVHCC;
- Lưu: VT, K19, KSTT^(C).

Thao

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ,
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Sở Giao thông vận tải
2	Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Sở Giao thông vận tải
3	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Đường thủy nội địa	Sở Giao thông vận tải
4	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Sở Giao thông vận tải
5	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Sở Giao thông vận tải
6	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ	Đường thủy nội địa	Sở Giao thông vận tải
7	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải, các cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã
8	Phê duyệt Đề án “Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trực tiếp tổ chức khai thác”	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải, các cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã
9	Phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải, các cơ quan quản lý tài sản cấp huyện,

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			cấp xã
10	Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải, các cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã
11	Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải, các cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã
12	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải, các cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã
13	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải, các cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã
14	Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về địa phương quản lý, xử lý	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải, các cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã
15	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải, các cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã
16	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải, các cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã
17	Thu hồi tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải, các cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã

PHẦN II.
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Thủ tục 01: Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ, gửi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan về Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản;

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về các nội dung: Tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; sự cần thiết, phù hợp của Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan; sự phù hợp về cơ sở và phương pháp xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản; các nội dung trong Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp;

- Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Đề án;

- Bước 5: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản chưa phù hợp;

- Bước 6: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ và ý kiến của các cơ quan có liên quan, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản chưa phù hợp.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử (idesk).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản: 01 bản chính;

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính

phủ: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 90 ngày (30 ngày mỗi bước), kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đề án cho thuê hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị cho thuê quyền khai thác tài sản không phù hợp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số:15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội;
- Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014; Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

ỦY BAN NHÂN DÂN...
**TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO
QUẢN LÝ TÀI SẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....-ĐA

....., ngày tháng năm

ĐỀ ÁN

Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

Phương thức khai thác:.....¹

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014;
- Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;
- Các văn bản khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

2. Cơ sở thực tiễn

- 2.1. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản
- 2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan được giao quản lý tài sản
- 2.3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản trong 3 năm gần nhất và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

1.1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa:

- a) Tổng quan tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa
- b) Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

1.2. Thực trạng khai thác tài sản: Mô tả thực trạng việc khai thác tài sản và nguồn thu từ việc khai thác tài sản theo từng phương thức: Trực tiếp tổ chức khai thác, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và hình thức khai thác khác (nếu có).

2. Đề xuất phương án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa²

2.1. Phương án khai thác tài sản:

a) Danh mục tài sản đề nghị khai thác: Tên tài sản; số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; tình trạng tài sản; phương thức khai thác (trực tiếp tổ chức khai thác/cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác); thời hạn khai thác tài sản;

b) Sự cần thiết, sự phù hợp của Đề án với chức năng, nhiệm vụ được giao, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

2.2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án khai thác:

a) Dự kiến kết quả khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa: nguồn thu, chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản (trong đó làm rõ căn cứ và phương pháp xác định nguồn thu, chi phí; căn cứ và phương pháp xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản);

b) Dự kiến số tiền nộp ngân sách nhà nước;

c) Dự kiến số tiền được ưu tiên bố trí vốn từ số tiền đã nộp ngân sách nhà nước (từ khai thác tài sản) trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
 ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹ Mỗi Đề án được lập cho một phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

² Nội dung đề xuất cho phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa nêu tại điểm nêu trên.

Thủ tục 02: Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản quy định tại khoản 5 Điều này gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ, gửi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan về Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản;
- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về các nội dung: Tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; sự cần thiết, phù hợp của Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan; sự phù hợp về cơ sở và phương pháp xác định giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; các nội dung trong Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp;
- Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Đề án;
- Bước 5: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chuyển nhượng quyền khai thác tài sản chưa phù hợp;
- Bước 6: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ và ý kiến của các cơ quan có liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt theo thẩm quyền hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp Đề án chuyển nhượng quyền khai thác tài sản chưa phù hợp;
- Bước 7: Căn cứ Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ và ký Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử (idesk).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản: 01 bản chính;
- Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ: 01 bản chính;
- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản không phù hợp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số:15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội;
- Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014; Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;

ỦY BAN NHÂN DÂN...
**TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO
QUẢN LÝ TÀI SẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....-ĐA

....., ngày tháng năm

ĐỀ ÁN

Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

Phương thức khai thác:.....¹

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014;
- Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;
- Các văn bản khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

2. Cơ sở thực tiễn

- 2.1. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản
- 2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan được giao quản lý tài sản
- 2.3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản trong 3 năm gần nhất và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

1.1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa:

- a) Tổng quan tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa
- b) Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

1.2. Thực trạng khai thác tài sản: Mô tả thực trạng việc khai thác tài sản và nguồn thu từ việc khai thác tài sản theo từng phương thức: Trực tiếp tổ chức khai thác, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và hình thức khai thác khác (nếu có).

2. Đề xuất phương án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa²

2.1. Phương án khai thác tài sản:

a) Danh mục tài sản đề nghị khai thác: Tên tài sản; số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; tình trạng tài sản; phương thức khai thác (trực tiếp tổ chức khai thác/cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác); thời hạn khai thác tài sản;

b) Sự cần thiết, sự phù hợp của Đề án với chức năng, nhiệm vụ được giao, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

2.2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án khai thác:

a) Dự kiến kết quả khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa: nguồn thu, chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản (trong đó làm rõ căn cứ và phương pháp xác định nguồn thu, chi phí; căn cứ và phương pháp xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản);

b) Dự kiến số tiền nộp ngân sách nhà nước;

c) Dự kiến số tiền được ưu tiên bố trí vốn từ số tiền đã nộp ngân sách nhà nước (từ khai thác tài sản) trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
 ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹ Mỗi Đề án được lập cho một phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

² Nội dung đề xuất cho phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa nêu tại điểm nêu trên.

Thủ tục 03: Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại quy định tại khoản 3, Điều 24 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định;

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại;

Quyết định xử lý tài sản gồm những nội dung chủ yếu sau: Tên cơ quan được giao quản lý tài sản có tài sản bị mất, bị hủy hoại; danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại được ghi giảm tài sản (tên tài sản; số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán); lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử (idesk).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị xử lý tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

- Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại tài sản theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ: 01 bản chính;

- Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 60 ngày (30 ngày mỗi bước), kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa bị mất, bị hủy hoại.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại không phù hợp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số:15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội;
- Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014; Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;

ỦY BAN NHÂN DÂN...
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

**BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG
THỦY NỘI ĐỊA**

Hình thức xử lý: Thanh lý/Điều chuyển/...

STT	Tên tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích (m^2)		Giá trị (nghìn đồng)		Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Đất	Sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG (I+II...)										
I	Tuyến đường thủy nội địa A										
1	Cảng thủy nội địa										
2	Bến thủy nội địa										
3	Âu tàu										
4	Khu neo đậu ngoài cảng										
...											
II	Tuyến đường thủy nội địa B										
...											

Ghi chú:

- Số lượng/khối lượng kê khai tại cột số 4 đối với tài sản là luồng đường thủy nội địa ghi theo chiều dài tuyến luồng.
- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.

- Nguyên giá, giá trị còn lại kê khai tại cột số 9, cột số 10 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.
- Tình trạng tài sản tại cột số 11 ghi: Đang sử dụng, hỏng không sử dụng được.

....., ngày..... tháng..... năm.....
XÁC NHẬN CỦA BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI, ỦY BAN NHÂN DÂN...
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC
GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Thủ tục 04: Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ, gửi Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định;

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp. Trường hợp vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản được xử lý theo hình thức điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị ngoài Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tài sản thuộc địa phương quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị, gửi Bộ Tài chính xem xét, quyết định theo thẩm quyền;

Quyết định thanh lý tài sản gồm những nội dung chủ yếu sau đây: Tên cơ quan được giao quản lý tài sản có tài sản thanh lý; danh mục tài sản thanh lý (tên tài sản, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, lý do thanh lý); hình thức thanh lý; hình thức xử lý vật liệu, vật tư thu hồi; quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý; trách nhiệm tổ chức thực hiện;

- Bước 3: Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản và xử lý vật liệu, vật tư thu hồi theo quy định. Việc bán vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Bước 4: Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử (idesk).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thanh lý tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản thanh lý theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ (trong đó nêu rõ lý do thanh lý): 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản thanh lý.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thanh lý tài sản hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản không phù hợp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số:15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội;
- Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014; Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;

ỦY BAN NHÂN DÂN...
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

**BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG
THỦY NỘI ĐỊA**

Hình thức xử lý: Thanh lý/Điều chuyển/...

STT	Tên tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích (m^2)		Giá trị (nghìn đồng)		Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Đất	Sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG (I+II...)										
I	Tuyến đường thủy nội địa A										
1	Cảng thủy nội địa										
2	Bến thủy nội địa										
3	Âu tàu										
4	Khu neo đậu ngoài cảng										
...											
II	Tuyến đường thủy nội địa B										
...											

Ghi chú:

- Số lượng/khối lượng kê khai tại cột số 4 đối với tài sản là luồng đường thủy nội địa ghi theo chiều dài tuyến luồng.
- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.

- Diện tích sàn sử dụng kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại kê khai tại cột số 9, cột số 10 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.
- Tình trạng tài sản tại cột số 11 ghi: Đang sử dụng, hỏng không sử dụng được.

....., ngày..... tháng..... năm.....
XÁC NHẬN CỦA BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI, ỦY BAN NHÂN DÂN...
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC
GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Thủ tục 05: Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Khi có tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa cần điều chuyển, cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp; gửi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 21 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ xem xét, quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp;

Quyết định điều chuyển tài sản gồm những nội dung chủ yếu sau: Tên cơ quan được giao quản lý tài sản có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản; số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; mục đích sử dụng hiện tại và mục đích sử dụng dự kiến sau khi điều chuyển trong trường hợp việc điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện;

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan có tài sản điều chuyển và cơ quan doanh nghiệp tiếp nhận tài sản có trách nhiệm: Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; thực hiện đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật (nếu có); báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ;

Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định; Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử (idesk).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, doanh nghiệp: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ (trong đó nêu rõ mục đích sử dụng hiện tại và mục đích sử dụng dự kiến sau

khi điều chuyển trong trường hợp điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản): 01 bản chính;

- Hồ sơ liên quan đến chuyển đổi công năng sử dụng tài sản (trong trường hợp việc điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản thanh lý.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản không phù hợp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số:15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội;

- Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014; Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

- Căn cứ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;

ỦY BAN NHÂN DÂN...
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

**BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG
THỦY NỘI ĐỊA**

Hình thức xử lý: Thanh lý/Điều chuyển/...

STT	Tên tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích (m ²)		Giá trị (nghìn đồng)		Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Đất	Sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG (I+II...)										
I	Tuyến đường thủy nội địa A										
1	Cảng thủy nội địa										
2	Bến thủy nội địa										
3	Âu tàu										
4	Khu neo đậu ngoài cảng										
...											
II	Tuyến đường thủy nội địa B										
...											

Ghi chú:

- Số lượng/khối lượng kê khai tại cột số 4 đối với tài sản là luồng đường thủy nội địa ghi theo chiều dài tuyến luồng.
- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.

- Nguyên giá, giá trị còn lại kê khai tại cột số 9, cột số 10 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.
- Tình trạng tài sản tại cột số 11 ghi: Đang sử dụng, hỏng không sử dụng được.

....., ngày..... tháng..... năm.....
**XÁC NHẬN CỦA BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI, ỦY BAN NHÂN DÂN...**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC
GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Thủ tục 06: Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ có hiệu lực thi hành (đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa hiện có), hoặc 60 ngày kể từ ngày tài sản hoàn thành, đưa vào sử dụng (đối với tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm mới sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức đang quản lý, sử dụng tài sản hoàn thành việc rà soát, phân loại, xác định giá trị tài sản và lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Kinh phí tổ chức, thực hiện việc rà soát, phân loại tài sản được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo thẩm quyền;

Nội dung chủ yếu của Quyết định giao quản lý tài sản gồm: Tên cơ quan được giao quản lý tài sản; danh mục tài sản giao quản lý (tên tài sản; số lượng tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán); trách nhiệm tổ chức thực hiện;

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định giao quản lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử (idesk).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;
- Biên bản rà soát, phân loại tài sản hoặc hồ sơ tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng: 01 bản chính;
- Danh mục tài sản đề nghị giao quản lý (tên tài sản; số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán): 01 bản chính;
- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, đơn vị có

nhu cầu giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao quản lý tài sản hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao quản lý tài sản không phù hợp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số:15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội;
- Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014; Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;

[illegible]

...										
II	Tuyến đường thủy nội địa B									
...										

2. Các hồ sơ liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:.....

.....

3. Trách nhiệm của các bên giao nhận:

a) Trách nhiệm của Bên giao:

b) Trách nhiệm của Bên nhận:

4. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao, tiếp nhận:.....

.....

.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

¹ Ghi rõ số, ngày tháng, trích yếu Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền về việc giao tài sản/thu hồi tài sản/điều chuyển tài sản/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư).

² Số lượng/khối lượng tại cột số 4 đối với tài sản là luồng đường thủy nội địa ghi theo chiều dài tuyến luồng.

³ Diện tích đất kê khai tại cột số 6 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.

⁴ Diện tích sản sử dụng kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.

⁵ Nguyên giá tại cột số 8 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

⁶ Giá trị còn lại tại cột số 9 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ

⁷ Tình trạng tài sản ở cột số 10 ghi: Đang sử dụng, hỏng không sử dụng được.

II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

Thủ tục 07: Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan quản lý đường bộ cùng cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý đang quản lý hoặc tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản); trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 04 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quản lý.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định 44/2024/NĐ-CP quản lý nhưng chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tạm giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định 44/2024/NĐ-CP quản lý.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đã giao hoặc tạm giao cho đối tượng khác (không phải là cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định 44/2024/NĐ-CP) quản lý.

- Bước 2: Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh chủ trì, lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định 44/2024/NĐ-CP) cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định 44/2024/NĐ-CP, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan, lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao tài sản. Hồ sơ trình gồm:

a) Tờ trình của Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị giao tài sản cho cơ quan quản lý tài sản (trong đó xác định cụ thể: Cơ quan quản lý tài sản; hình thức giao tài sản; danh mục tài sản đề nghị giao: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số

lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản; cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản) kèm theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: 01 bản chính.

b) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản chính;

c) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao.

d) Các hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này: 01 bản sao.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử (idesk).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

- Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh về việc giao tài sản: 01 bản chính.

- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan dự kiến được giao quản lý tài sản (trong trường hợp dự kiến giao cho cơ quan quản lý đường bộ cấp huyện, cơ quan quản lý đường bộ cấp xã): 01 bản chính.

- Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương/cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh lập: 01 bản chính.

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao/điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản (nếu có)): 01 bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện: Sở Giao thông Vận tải.

6. Cơ quan/người có thẩm quyền giải quyết

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định TTHC: UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải, các cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã theo quy định.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: (nếu có): Không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Luật Đường bộ;
- Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ về việc quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Thủ tục 08: Phê duyệt Đề án “Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trực tiếp tổ chức khai thác”

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý:

Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 2: Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã quản lý:

a) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản a, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử (idesk).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

a) Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý

- Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã quản lý:

b1) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:

- Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP: 01 bản chính;
- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;
- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;
- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b1 khoản này, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Hồ sơ quy định tại điểm b1 khoản này: 01 bản sao.

b3) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b2 khoản này, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản. Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Hồ sơ quy định tại điểm b2 khoản này: 01 bản sao.

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định của mỗi bước.

5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

6. Cơ quan/người có thẩm quyền giải quyết

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định TTHC: UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông Vận tải, các cơ quan quản lý đường bộ cấp huyện, cấp xã theo quy định.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: (nếu có): Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Luật Đường bộ;
- Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ về việc quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

Số: .../...-ĐATT

....., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Phương thức: Trực tiếp tổ chức khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;
- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức trực tiếp tổ chức khai thác: Quyết định giao tài sản của Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan quản lý tài sản (nếu có);
- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Thời hạn khai thác tài sản (nếu có).

3. Phương thức tổ chức thực hiện khai thác tài sản.

4. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc trực tiếp khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước; số để lại đơn vị.

5. Lý do khai thác tài sản theo phương thức “Trực tiếp tổ chức khai thác tài sản”: Đánh giá hiệu quả dự tính của việc thực hiện Đề án này.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Thủ tục 09: Phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý:

Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 2: Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã quản lý:

a) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử (idesk).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

a) Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý

- Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã quản lý:

b1) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:

- Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b1 khoản này, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Hồ sơ quy định tại điểm b1 khoản này: 01 bản sao.

b3) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b2 khoản này, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản. Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Hồ sơ quy định tại điểm b2 khoản này: 01 bản sao.

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định của mỗi bước.

5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan quản lý tài sản tổ chức chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

6. Cơ quan/người có thẩm quyền giải quyết

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định TTHC: UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông Vận tải, các cơ quan quản lý đường bộ cấp huyện, cấp xã theo quy định.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: (nếu có): Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Luật Đường bộ;
- Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ về việc quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI/ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

Số: .../...-ĐATP

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG
ĐƯỜNG BỘ**

(Phương thức: Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;
- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản: Quyết định giao tài sản của Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan quản lý tài sản (nếu có);
- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

3. Phương thức tổ chức thực hiện việc chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

- 4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.
- 5. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.
- 6. Phương thức thanh toán.
- 7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.
- 8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
.....
.....
.....
.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP
ĐỀ ÁN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Thủ tục 10: Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý:

Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 2: Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã quản lý:

a) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử (idesk).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

a) Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý

- Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã quản lý:

b1) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:

- Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b1 khoản này, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Hồ sơ quy định tại điểm b1 khoản này: 01 bản sao.

b3) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b2 khoản này, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản. Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Hồ sơ quy định tại điểm b2 khoản này: 01 bản sao.

3.2. *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định của mỗi bước.

5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan quản lý tài sản tổ chức cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

6. Cơ quan/người có thẩm quyền giải quyết

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định TTHC: UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông Vận tải, các cơ quan quản lý đường bộ cấp huyện, cấp xã theo quy định.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: (nếu có): Mẫu số 02C tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Luật Đường bộ;
- Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ về việc quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

Số: .../...-ĐACT

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG
ĐƯỜNG BỘ**

(Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;
- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức cho thuê quyền khai thác tài sản: Quyết định giao tài sản của Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến cho thuê quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan quản lý tài sản (nếu có);
- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:

3. Phương thức tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản.

4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê quyền khai thác tài sản.

5. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.
6. Phương thức thanh toán.
7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.
8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP
ĐỀ ÁN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Thủ tục 11: Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý:

Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 2: Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã quản lý:

a) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử (idesk).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

1.3.1. Thành phần hồ sơ

a) Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý

- Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02D tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã quản lý:

b1) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện

để tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:

- Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02D tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b1 khoản này, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02D tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Hồ sơ quy định tại điểm b1 khoản này: 01 bản sao.

b3) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b2 khoản này, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản. Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02D tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Hồ sơ quy định tại điểm b2 khoản này: 01 bản sao.

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định của mỗi bước.

5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan quản lý tài sản tổ chức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

6. Cơ quan/người có thẩm quyền giải quyết

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định TTHC: UBND tỉnh.
- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông Vận tải, các cơ quan quản lý đường bộ cấp huyện, cấp xã theo quy định.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: (nếu có): Mẫu số 02D tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Luật Đường bộ;
- Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ về việc quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

Số: .../...-ĐACN

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐỀ ÁN KHAI THÁC
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

(Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;
- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác: Quyết định giao tài sản của Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan quản lý tài sản (nếu có);
- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Nội dung dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

4. Phương thức tổ chức thực hiện; cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

5. Điều kiện của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tham gia đấu giá.

6. Phương thức thanh toán.

7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....
.....
.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP
ĐỀ ÁN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Thủ tục 12: Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, báo cáo UBND tỉnh.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản chưa phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gồm: Tên cơ quan có tài sản thu hồi; tên cơ quan được giao thực hiện quyết định thu hồi; danh mục tài sản thu hồi (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thu hồi; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

- Bước 3: Căn cứ Quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản thực hiện việc lập phương án xử lý tài sản thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đó tổ chức thực hiện xử lý tài sản theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ. Đối với trường hợp thu hồi tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo điểm d khoản 1 Điều 21 Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ, sau khi có Quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ.

Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, cơ quan có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định.

Cơ quan quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử (idesk).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có): 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện hoặc cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

- Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ).

- Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

6. Cơ quan/người có thẩm quyền giải quyết

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông Vận tải, các cơ quan quản lý đường bộ cấp huyện, cấp xã.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành cấp tỉnh/huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi không phù hợp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: (nếu có): Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Luật Đường bộ;

- Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ về việc quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Quyết định ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

....., ngày ... tháng ... năm

**DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ/SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA DỰ
ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**

1. Danh mục tài sản đề nghị xử lý/sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

STT	Tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài...	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Lý do xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe...	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng												

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

.....

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ
TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi cụ thể thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.

Thủ tục 13: Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Khi có tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cần điều chuyển, cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 22 Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: Tên cơ quan có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan có tài sản điều chuyển và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ và bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận.

Thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Đối với trường hợp điều chuyển tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ, sau khi có Quyết định điều chuyển tài sản của Ủy ban nhân dân tỉnh thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ.

- Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

- Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử (idesk).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện hoặc cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính.

Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại đường bộ thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan tiếp nhận tài sản;

- Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ): 01 bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ do cơ quan quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

6. Cơ quan/người có thẩm quyền giải quyết

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông Vận tải, các cơ quan quản lý đường bộ cấp huyện, cấp xã.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành cấp tỉnh/huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển không phù hợp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: (nếu có): Mẫu số 01C kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Luật Đường bộ;

- Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ về việc quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Quyết định ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO, TIẾP NHẬN
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số ngày .../.../... của về việc

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện Bên giao:

Ông (Bà): Chức vụ:

.....

Ông (Bà): Chức vụ:

.....

2. Đại diện Bên nhận:

Ông (Bà): Chức vụ:

.....

Ông (Bà): Chức vụ:

.....

3. Đại diện Cơ quan chứng kiến (nếu có):

Ông (Bà): Chức vụ:

.....

Ông (Bà): Chức vụ:

.....

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

Bên giao đã tiến hành bàn giao cho Bên nhận các tài sản và hồ sơ tài sản như sau:

1. Danh mục tài sản bàn giao, tiếp nhận:

STT	Tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài...	Diện tích (m ²)	Giá trị (đồng)	Tình trạng sử dụng của tài sản	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản
-----	--	---------	---------------------	---------------	-----------------------	-----------------------------	----------------	--------------------------------	--

												lý tài sản
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe...	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng cộng											

2. Các hồ sơ liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

.....

3. Trách nhiệm của các bên giao nhận:

a) Trách nhiệm của Bên giao:

.....

b) Trách nhiệm của Bên nhận:

.....

4. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao, tiếp nhận:

.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

....., ngày ... tháng ... năm

**DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ/SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA DỰ
ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**

1. Danh mục tài sản đề nghị xử lý/sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

STT	Tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài...	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Lý do xử lý ¹ /sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe...	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng												

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ
TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi cụ thể thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.

Thủ tục 14: Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về địa phương quản lý, xử lý.

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Khi có tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cần chuyển giao, cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 23 Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao; danh mục tài sản đề nghị chuyển giao (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ. Bên giao thực hiện kê toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

- Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao chi trả.

- Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản và bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận.

- Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm mở sổ theo dõi, hạch toán riêng đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản quy định tại khoản 6 Điều 23 Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ.

- Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ và bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận.

Thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Đối với trường hợp điều chuyển tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ, sau khi có Quyết định điều chuyển tài sản của Ủy ban nhân dân tỉnh thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ.

- Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

- Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử (idesk).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý đường bộ cấp huyện hoặc cơ quan quản lý đường bộ cấp xã quản lý) về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính;

- Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ: 01 bản chính;

- Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về địa phương quản lý, xử lý.

6. Cơ quan/người có thẩm quyền giải quyết

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải, các cơ quan quản lý đường bộ cấp huyện, cấp xã.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành cấp tỉnh/huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về địa phương quản lý, xử lý hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao không phù hợp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: (nếu có): Mẫu số 01 kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Luật Đường bộ;
- Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ về việc quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
- Quyết định ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO, TIẾP NHẬN
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số ngày .../.../... của về việc

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện Bên giao:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện Bên nhận:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. Đại diện Cơ quan chứng kiến (nếu có):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

Bên giao đã tiến hành bàn giao cho Bên nhận các tài sản và hồ sơ tài sản như sau:

1. Danh mục tài sản bàn giao, tiếp nhận:

STT	Tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài...	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)		

								xe...				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng cộng											

2. Các hồ sơ liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

.....

3. Trách nhiệm của các bên giao nhận:

a) Trách nhiệm của Bên giao:

.....

b) Trách nhiệm của Bên nhận:

.....

4. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao, tiếp nhận:

.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)

Thủ tục 15: Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 24 Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản gồm: Tên cơ quan quản lý tài sản có tài sản thanh lý; danh mục tài sản thanh lý (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thanh lý; hình thức thanh lý; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

- Bước 3: Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và xử lý vật liệu, vật tư thu hồi. Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử (idesk).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

6. Cơ quan/người có thẩm quyền giải quyết

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải, các cơ quan quản lý đường bộ cấp huyện, cấp xã.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành cấp tỉnh/huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao không phù hợp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: (nếu có): Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Luật Đường bộ;
- Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ về việc quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
- Quyết định ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

....., ngày ... tháng ... năm

**DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ/SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA DỰ
ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**

1. Danh mục tài sản đề nghị xử lý/sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

STT	Tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài...	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Lý do xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe...	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng												

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ
TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi cụ thể thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.

Thủ tục 16: Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 25 Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Nội dung chủ yếu của Quyết định xử lý tài sản gồm: Tên cơ quan quản lý tài sản có tài sản bị mất, bị hủy hoại; danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản trước khi bị mất, bị hủy hoại); lý do (nguyên nhân) bị mất, bị hủy hoại; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử (idesk).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại): 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị xử lý tài sản: 01 bản chính;

- Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ: 01 bản chính;

- Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện: : Cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

6. Cơ quan/người có thẩm quyền giải quyết

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải, các cơ quan quản lý đường bộ cấp huyện, cấp xã.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành cấp tỉnh/huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị xử lý tài sản không phù hợp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: (nếu có): Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Luật Đường bộ;

- Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ về việc quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Quyết định ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

Mẫu số 01C

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

....., ngày ... tháng ... năm

**DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ/SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA
DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**

1. Danh mục tài sản đề nghị xử lý/sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

STT	Tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài...	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Lý do xử lý ¹ /sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe...	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng												

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

.....
3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

.....
NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
QUẢN LÝ TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi cụ thể thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.

Thủ tục 17: Thu hồi tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 21 Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thu hồi tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản chưa phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp gồm: Tên cơ quan có tài sản thu hồi; tên cơ quan được giao thực hiện quyết định thu hồi; danh mục tài sản thu hồi (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...)); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản; lý do thu hồi; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

- Bước 3: Căn cứ Quyết định thu hồi tài sản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan đại diện chủ sở hữu) thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về giao thông đường bộ và pháp luật khác có liên quan. Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, cơ quan có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định. Cơ quan quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử (idesk).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có): 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện hoặc cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

- Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp thu

hồi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ).

- Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu thu hồi tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

6. Cơ quan/người có thẩm quyền giải quyết

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải, các cơ quan quản lý đường bộ cấp huyện, cấp xã.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành cấp tỉnh/huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: (nếu có): Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Luật Đường bộ;

- Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ về việc quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu số 01C

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

....., ngày ... tháng ... năm

**DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ/SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA
DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**

1. Danh mục tài sản đề nghị xử lý/sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

STT	Tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài...	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Lý do xử lý ¹ /sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe...	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng												

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

.....
3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

.....
NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
QUẢN LÝ TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi cụ thể thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.